
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ I NĂM 2016

I. Đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn : CTCP Khách sạn Saigon tiền thân là doanh nghiệp nhà nước, do nhiều cổ đông góp vốn, được thành lập theo giấy phép số 213/QĐ-UB-KT do UBND TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 15/01/1997.
2. Lĩnh vực kinh doanh : Khách sạn, Nhà hàng, và các dịch vụ du lịch.

II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Niên độ kế toán: bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

III. Chế độ kế toán áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng: Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam (Ban hành theo QĐ số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính).
2. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.

IV. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam:

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

V. Các chính sách kế toán áp dụng:

1. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác : Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố vào thời điểm đó.
Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại Số Dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào Doanh thu hoặc Chi phí tài chính.
2. Hàng tồn kho: được ghi sổ theo giá gốc, áp dụng phương pháp kiểm kê thường xuyên.
3. Các khoản phải thu: được trình bày theo giá trị ghi sổ cùng với dự phòng được lập cho các nợ phải thu khó đòi.
4. Tài sản cố định và khấu hao TSCĐ: TSCĐ được ghi sổ theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao theo phương pháp đường thẳng.
5. Chi phí phải trả: Do trích trước các khoản điện, nước, điện thoại hàng tháng; ...
6. Chi phí trả trước, dự phòng: Công cụ xuất dùng có giá trị lớn và sử dụng dài hạn được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả HĐKD.
Dự phòng nợ phải thu khó đòi: cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất của khoản nợ phải thu không được khách hàng thanh toán.
7. Phân phối lợi nhuận: Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt, được trích các quỹ theo Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành, và chia cổ tức cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu: Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ, doanh thu các hoạt động tài chính được ghi nhận khi đã được xác định tương đối chắc chắn, đảm bảo doanh nghiệp nhận được lợi ích kinh tế từ giao dịch, xác định được công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng CĐKT và xác định được chi phí liên quan.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
* Tiền mặt	64,896,000	79,665,000
* Tiền gửi ngân hàng	1,323,170,675	1,002,599,909
* Tiền đang chuyển	-	-
* Các khoản tương đương tiền	9,475,166,157	11,164,111,028
Cộng	10,863,232,832	12,246,375,937
2 Đầu tư tài chính ngắn hạn		
Đầu tư cổ phiếu vào Ngân hàng Phương Đông	2,794,900,000	2,794,900,000
3 Các khoản phải thu ngắn hạn	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
* Phải thu khách hàng	3,057,019,164	3,016,532,727
* Trả trước cho người bán	16,888,000	71,250,000
* Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		
* Các khoản phải thu khác	18,158,720	58,649,583
+ Tạm ứng	6,500,000	-
+ Tài sản thiếu chờ xử lý		
+ Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5,000,000	5,000,000
+ Phải thu khác	6,658,720	53,649,583
* Dự phòng phải thu khó đòi	-	
* Giá trị thuần của phải thu thương mại và phải thu khác		
Cộng	3,092,065,884	3,146,432,310
4 Hàng tồn kho	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
* Hàng mua đang đi trên đường		
* Nguyên liệu, vật liệu	293,444,516	265,814,969
* Công cụ, dụng cụ	273,519,225	280,795,200
* Chi phí SX, KD dở dang	-	-
* Thành phẩm		
* Hàng hóa	41,598,840	39,739,642
* Hàng gửi đi bán		
Cộng giá gốc hàng tồn kho	608,562,581	586,349,811
5 Tài sản ngắn hạn khác	272,509,541	358,490,636
Trong đó: Thuế GTGT được khấu trừ		
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	151,210,953	166,662,139

6 Các khoản phải thu dài hạn khác	300,000,000	300,000,000
Phải thu dài hạn khác là khoản ký quỹ bắt buộc tại NH TMCP Việt Nam để cung cấp dịch vụ lãi hành theo quy định của Luật Du lịch.		
7 Phải trả người bán và người mua trả tiền trước	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
* Phải trả người bán	217,730,327	644,960,680
* Người mua trả tiền trước	100,478,273	108,648,713
Cộng	318,208,600	753,609,393
8 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
Thuế phải nộp Nhà nước	629,996,741	459,298,698
* Thuế Giá trị gia tăng	317,518,965	239,706,771
* Thuế thu nhập cá nhân	(14,362,758)	(29,299,968)
* Thuế Thu nhập doanh nghiệp	326,840,534	248,891,895
* Tiền thuê đất	-	-
* Các loại thuế khác	-	-
9 Các khoản phải trả phải nộp khác	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
* Tài sản thừa chờ xử lý		
* Bảo hiểm y tế	222,345	(257,580)
* Bảo hiểm xã hội		(24,694,175)
* Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
* Kinh phí công đoàn	61,066,235	73,165,479
* Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
* Các khoản phải trả khác	41,283,257	169,195,778
Cộng	102,571,837	217,409,502
10 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	4,000,000,000	4,000,000,000
Là khoản phải trả tiền vay của NH TMCP Công thương Việt Nam theo HD số 13.42.0078/2013-HĐTDDA ngày 12/10/2013 trong thời hạn 12 tháng.		
11 Các khoản phải trả dài hạn khác	1,549,000,000	1,425,000,000
1. Khoản ký quỹ tiền thuê mặt bằng theo HĐ số 124/2014/HĐKT-KSSG giữa Cty và Cty CP DV Giải trí Một Con Kiến.	750,000,000	750,000,000
2. Khoản ký quỹ tiền thuê mặt bằng theo HĐ số 244/HĐ-SGH giữa Cty và Phạm Duy Thắng.	675,000,000	675,000,000
	124,000,000	
3. Khoản ký quỹ tiền thuê mặt bằng theo HĐ số 01/HĐ-SGH giữa Cty và Cty TNHH Thời Trang Ngọc Trai Đỏ.		
12 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	12,904,829,929	15,904,829,929
Là khoản vay của NH TMCP Công thương Việt Nam theo HD số 13.42.0078/2013-HĐTDDA ngày 12/10/2013		

13 Vốn chủ sở hữu

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận.

	<u>Quý I năm nay</u>	<u>Quý I năm trước</u>
13.1 Cổ tức		
* Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán :		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi		
13.2 Cổ phiếu		
* Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3,532,600	3,532,600
* Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	3,532,600	3,532,600
+ Cổ phiếu thường	3,532,600	3,532,600
+ Cổ phiếu ưu đãi		
* Số lượng cổ phiếu được mua lại		
+ Cổ phiếu thường		
+ Cổ phiếu ưu đãi		
* Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3,532,600	3,532,600
+ Cổ phiếu thường	3,532,600	3,532,600
+ Cổ phiếu ưu đãi		
* <i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/CP)</i>	10,000	10,000

	<u>Quý I năm nay</u>	<u>Quý I năm trước</u>
14 Doanh thu		
14.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
* Tổng doanh thu	9,050,542,465	8,429,904,537
* Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Thuế TTĐB	-	-
* Doanh thu thuần	9,050,542,465	8,429,904,537
14.2 Doanh thu hoạt động tài chính	84,160,429	57,431,642
* Lãi tiền gửi, tiền cho vay	78,392,422	56,563,049
* Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	50,000	
* Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
* Lãi chênh lệch tỷ giá	5,718,007	868,593
* Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
15 Giá vốn hàng bán	5,437,659,919	5,190,762,301
16 Chi phí tài chính	243,577,301	365,000,713
* Chi phí hoạt động tài chính	-	-
* Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán ngắn hạn	-	-
* Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn		
* Lãi vay ngân hàng	243,577,301	363,805,143
* Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	1,195,570
17 Thuế TNDN phải nộp và lợi nhuận sau thuế		
17.1 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1,634,202,672	1,345,491,379
* Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN		
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-

+ Các khoản điều chỉnh giảm (Cổ tức được chia)	-	-
* Tổng thu nhập chịu thuế	1,634,202,672	1,345,491,379
* Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	326,840,534	301,846,103
* Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-
17.2 Lợi nhuận sau thuế TNDN	1,307,362,138	1,043,645,276

VII. Những thông tin khác

1. Thông tin với các bên liên quan: không có
2. Giao dịch với các bên liên quan: không có
3. Số dư với các bên có liên quan:

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tp.HCM, ngày tháng năm 2016
GIÁM ĐỐC